TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cẩm

Ông Trần Dân Tiên

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Phổ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa:* Bà Lý Tường Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Phổ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 06 năm 2018 về việc: ***"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐST-DS ngày 04/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-DS ngày 25/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Thuần H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Thạch B 1, xã Phổ Th, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

***2. Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Thạch B 1, xã Phổ Th, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Thạch B 1, xã Phổ Th, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/05/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/6/2018, bản tự khai ngày 01/06/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Thái Thị Thuần H trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ tình cảm chị em, bà Thái Thị Thuần H có cho bà Thái Thị Thuần M mượn số tiền 70.000.000 đồng để mua bán làm ăn, nhưng chưa có tiền trả. Trong khi đó giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà M có mua bán làm ăn với nhau, bà Đ nợ bà M số tiền 70.000.000 đồng, nên giữa bà M, bà H và bà

Đ thống nhất số tiền bà M nợ bà H thì bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H. Sau đó bà Đ trả cho bà H được 20.000.000 đồng còn nợ lại 50.000.000 đồng, đến ngày 01/02/2018 (dương lịch) tức ngày 16/11/2017 (ÂL) bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng, bà Đ viết giấy mượn tiền bà H, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 10/03/2018 âm lịch bà Đ sẽ trả cho bà mỗi ngày 100.000 đồng tiền gốc cho đến khi nào trả nợ xong số tiền trên. Tuy nhiên đúng hẹn bà Đ không trả tiền gốc cho bà H, nhiều lần, bà đến nhà yêu cầu bà Đ trả nợ, nhưng bà Đ không trả nợ cho bà, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ N (chồng bà Đ) phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

** Tại bản tự khai ngày 06/06/2018, biên bản ghi lời khai ngày 05/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà Thái Thị H là em ruột của bà Thái Thị Thị Thuần M, bà M có mượn của bà H số tiền 70.000.000 đồng. Trong khi đó bà mua cá còn nợ bà M số tiền 20.000.000 đồng và bà M cho bà mượn số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 70.000.000 đồng. Đến ngày trả nợ, nhưng bà M chưa có tiền trả cho bà H, nên bà H chửi bà M, bà thấy vậy, nói với bà H và bà M khoản nợ bà M nợ bà H để bà trả thay, bà H và bà M đồng ý, nên bà viết giấy nợ bà H số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó bà trả cho bà H được 20.000.000 đồng, còn nợ lại bà H số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 16/11/2017 (AL) bà tiếp tục trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng còn nợ lại bà H 30.000.000 đồng, bà viết giấy mượn tiền bà H số tiền trên và hẹn đến ngày 10/03/2018 bà trả cho bà H mỗi ngày 100.000 đồng tiền gốc cho đến hết số tiền nợ, bà trả từ ngày 10/3 đến ngày 23/03/2018 được 1.400.000 đồng, việc trả tiền hai bên không có lập giấy tờ gì. Nay bà thừa nhận còn nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng, bà có nghĩa vụ trả cho bà H, còn ông N (chồng bà) không liên quan đến việc bà vay mượn tiền của bà H, nên không phải có nghĩa vụ trả số nợ trên.

** Tại bản tự khai ngày 21/6/2018 ông Võ N trình bày*: Bà Nguyễn Thị Đ vợ ông có mượn tiền của bà Thái Thị Thuần H hay không thì ông không biết, nên ông không liên quan mong Tòa xem xét cho ông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35; 39, 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ mối quan hệ tình cảm chị em, bà Thái Thị Thuần H có cho bà Thái Thị Thuần M mượn số tiền 70.000.000 đồng để mua bán làm ăn, nhưng chưa có tiền trả. Trong khi đó giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà M có mua bán làm ăn với nhau, bà Đ nợ bà M số tiền 70.000.000 đồng, nên giữa bà M, bà H và bà Đ thống nhất số tiền bà M nợ bà H thì bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H. Sau đó bà Đ trả cho bà H được 20.000.000 đồng còn nợ lại 50.000.000 đồng, đến ngày 01/02/2018 (dương lịch) tức ngày 16/11/2017 (ÂL) bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng, bà Đ viết giấy mượn tiền bà H, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 10/03/2018 âm lịch bà Đ sẽ trả cho bà mỗi ngày 100.000 đồng tiền gốc cho đến khi nào trả nợ xong số tiền trên. Tuy nhiên đúng hẹn bà Đ không trả tiền gốc cho bà H, nhiều lần, bà đến nhà yêu cầu bà Đ trả nợ, nhưng bà Đ không trả nợ cho bà, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ N (chồng bà Đ) phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc bà Đ cho rằng khoản nợ trên do bà tự vay mượn, bà có nghĩa vụ trả cho bà H, ông N chồng bà không liên quan nên không phải có nghĩa vụ trả, Hội

đồng xét xử thấy rằng: Việc bà Đ vay tiền trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ và ông N đang còn tồn tại, mục đích vay tiền là để buôn bán thu lợi nhuận nhằm trang trải chung trong cuộc sống gia đình, không phải sử dụng cho cá nhân. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà Đ và ông N phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ N phải chịu 1.500.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Thái Thị Thuần H

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Thuần H, buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ N phải trả cho bà Thái Thị Thuần H số tiền vay gốc là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

[2] Về tiền lãi: Bà Thái Thị Thần H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ N phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Thái Thị Thuần H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0001436 ngày 01/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện Đức Phổ;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Phổ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn